

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN XÂY DỰNG TÂM LÝ HỌC ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI

Lê Ngọc Hùng

*Trung tâm Xã hội học  
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

Tâm lý học (TLH) ở Việt Nam thế kỷ XX là tập hợp dày dặn gồm: 1) các tri thức lý luận, công nghệ được lĩnh hội từ “*cái nôi*” của TLH hoạt động ở Liên Xô (cũ), các nước Đông Âu và một số nước khác; 2) các kết quả nghiên cứu ứng dụng TLH. Đây là kho tàng kiến thức TLH vô giá đối các cán bộ khoa học trẻ<sup>(1)</sup> khi phải đối diện những vấn đề tâm lý nảy sinh trong tiến trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta. Câu hỏi đặt ra là làm sao phát huy thành tựu đã đạt được để cải di sản đồ sộ của TLH thế kỷ XX không trở thành gánh nặng làm chậm bước tiến của nó trên đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở thế kỷ XXI, làm sao đổi mới được phương pháp tiếp cận TLH để không bị tụt hậu quá xa so với các nước khác. Trọng tâm của bài viết này là bàn về một số vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng TLH định hướng xã hội (TLHĐHXXH [1]- *Society-Oriented-Psychology*) trong bối cảnh khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội.

### **Vấn đề đổi mới tư duy, xây dựng Tâm lý học ĐHXXH**

Lê Nin từng coi TLH là bộ phận cấu thành lý luận nhận thức và phép biện chứng[2]. TLHĐHXXH phản ánh sự biến đổi xã hội bằng cách không ngừng vừa nghiên cứu vừa mở rộng phạm vi, nội dung nghiên cứu của nó nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế-xã hội[3] và tăng cường khả năng “*kéo theo sự phát triển*”<sup>(2)</sup> xã hội chứ không phải “*chạy theo*” sự tăng trưởng kinh tế. Với quan niệm như vậy chuyên ngành TLH xã hội-cá nhân và TLH xã hội-kiểu xã hội học[4] đều là những lĩnh vực nghiên cứu cấu thành của TLHĐHXXH. Không những kế thừa, phát huy những gì đã đạt được TLHĐHXXH còn phải “*nhìn ra thế giới*”, hướng tới tương lai trong từng bước giải quyết vấn đề mà xã hội đang đặt ra hôm nay. Vấn đề đặt ra là đổi mới tư duy lý luận TLH và tăng cường sự thống nhất giữa đào tạo và nghiên cứu TLHĐHXXH trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội.

Cần nhìn thẳng vào những yêu cầu mới đang đặt ra và tình hình phát triển ngành TLH hiện nay để từ đó nhận thức rõ nhu cầu cấp thiết của việc phát triển TLHĐHXXH. Nền kinh tế trước đây đã có yếu tố thị trường nhưng vẫn là nền kinh tế vận hành theo cơ chế hành chính-mệnh lệnh-quan liêu-bao cấp, chỉ sau khi đổi mới

Cán bộ khoa học “trẻ” được hiểu là người đang có năng lực phát triển về trình độ chuyên môn khoa học.

Theo cách nói của LX.Vư-gôt-xki về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển tâm lý người. Khoa học nói chung và khoa học xã hội nói riêng được coi là lực lượng sản xuất xã hội.

ta mới có nền kinh tế “mở cửa”. Một cách tương tự, TLH nước ta từ lúc hình thành cách đây hơn nửa thế kỷ đến gần đây chủ yếu giới hạn trong phạm vi “TLH hoạt động” và tập trung nghiên cứu tâm lý sư phạm, tâm lý giáo dục và “hiện tượng tâm lý xã hội của nhóm”[5]. Tác động tâm lý của những nhân tố mới, ví dụ sự đa dạng của các thành phần kinh tế, sự năng động và cởi mở của cơ chế quản lý của một xã hội trên đường chuyển sang kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế thế giới chưa được tính đến một cách kịp thời và đầy đủ.

TLHĐHXXH đòi hỏi phải coi xã hội là “tổng hòa các quan hệ” của con người với thế giới xung quanh và với chính bản thân. Xã hội là một thể thống nhất trong sự đa dạng của các nhu cầu, động cơ, hoạt động, hành vi của cá nhân, nhóm, cộng đồng, dân tộc, quốc gia, khu vực và quốc tế. Chính thể xã hội phức tạp này đang vận động, biến đổi không ngừng trong mối liên hệ, hội nhập với sự phát triển chung của khu vực và toàn thế giới mà trong đó yếu tố thông tin, khoa học và công nghệ dựa vào khoa học đang ngày càng đóng vai trò quyết định tới việc nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. TLHĐHXXH tiến tới nghiên cứu các vấn đề trên tất cả các cấp độ từ vi mô (ví dụ hành vi, thái độ, nhu cầu cá nhân) đến trung mô (ví dụ hành vi nhóm, tổ chức) đến vĩ mô (ví dụ tính cách tâm lý dân tộc, xu hướng tâm lý hoá trong sản xuất kinh doanh trên phạm vi toàn thế giới).

Việc xây dựng TLHĐHXXH gắn liền với việc đổi mới cách tiếp nhận, xử lý và phổ biến tri thức TLH thế giới. Cho đến nay, một bộ phận sách, tài liệu TLH nước ngoài, chủ yếu là của Liên Xô cũ đã được dịch, giới thiệu và sử dụng rộng rãi ở Việt Nam. Các cuốn sách TLH dịch của A.A.Smi-rơ-nốp, L.X.Vư-gôt-xki, A.G.Cô-va-lốp, A.V.Pê-trốp-xki, A.N.Lê-ôn-chép và nhiều tác giả khác từ lâu đã trở thành những tài liệu chính dùng trong giảng dạy và học tập. Ảnh hưởng của thuyết TLH hoạt động lớn đến mức không ít sách kể cả giáo trình TLH xuất bản mới đây về cơ bản vẫn chưa tiến xa hơn bao nhiêu so với những cuốn sách cùng loại được viết và sử dụng cách đây hàng chục năm. Sinh viên nhận thấy vẫn cách tiếp cận của TLH hoạt động, vẫn cách phân loại quá trình, hiện tượng, trạng thái, thuộc tính tâm lý đặc trưng của một thời thịnh hành cơ chế quản lý hành chính-mệnh lệnh-quan liêu-bao cấp. Một số sách giáo khoa, giáo trình TLH đề ra mục đích đổi mới lý luận một bước trước thực tiễn nhưng hạt nhân lý luận vẫn là thuyết hoạt động và có tới hai phần ba nội dung tài liệu tham khảo là những cuốn sách xuất bản từ năm 1980 trở về trước. Không ít cơ sở đào tạo chuyên ngành TLH vẫn sử dụng những giáo trình, giáo khoa TLH không chuyên viết cách đây hàng chục năm làm tài liệu chính gốc để dạy học cho sinh viên chuyên ngành TLH thế kỷ XXI. Không ít sách, giáo trình mới được xuất bản vẫn duy trì cách xác định đối tượng, phương pháp, khái niệm nghiên cứu cũ, lạc hậu, xa rời thực tiễn. Không ít cách học tập nặng về phê phán các trường phái tâm lý học mà không biết rằng những trường phái này ra đời từ nửa đầu thế kỷ XX đến nay đã được cập nhật thậm chí đã tự lột xác đi vào cuộc sống thực của con người. Cần thấy rằng TLH từ lâu đã phải trở thành một khoa học cụ thể có vị trí độc lập tương tự như các khoa học khác, ví dụ kinh tế học, sinh lý học, xã hội học chứ không phải là một khoa học chỉ dựa vào kiến thức vay mượn của triết học, giáo dục học hay bất kỳ một lĩnh vực nào khác.

TLHĐHXXH đòi hỏi sự khám phá sáng tạo, năng động và cởi mở trong cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề nghiên cứu sự biến đổi xã hội đặt ra. Nhưng thực tế là rất ít các nghiên cứu cơ bản về lý luận và thực nghiệm mà phần nhiều là các đề tài khoa học làm theo kiểu “tiên nào của nấy” và chỉ bó hẹp ở mức độ “áp dụng, vận dụng” thuyết TLH hoạt động vào một số lĩnh vực cụ thể. Đặc biệt là tâm lý học có xu hướng bị “xã hội học hoá” khi lạm dụng phương pháp điều tra khảo sát bằng phiếu và sử dụng lẫn lộn các phạm trù, khái niệm. Chỉ cần xem qua các luận văn tốt nghiệp đại học và sau đại học ngành tâm lý học những năm qua là thấy rõ điều này.

Một số công trình nghiên cứu thuộc trường phái TLH phi-hoạt động đã được tham khảo nhưng chủ yếu là để phê phán. “TLH hoạt động” đã được tiếp thu, “du nhập” và đến nay vẫn chiếm vị trí “chủ đạo” trong khối lượng tri thức TLH truyền dạy cho các thế hệ học trò. Không ít sinh viên đã được những giáo sư già dặn kinh nghiệm sống trong ngành uốn nắn theo TLH hoạt động mỗi khi những sinh viên này tỏ ra hứng thú tìm hiểu thuyết phân tâm, thuyết hành vi hay một thuyết TLH “phi hoạt động”. Một số chuyên ngành TLH giáo dục, sư phạm, trẻ em, phát triển v.v. dựa vào TLH hoạt động “đã xây dựng cơ sở khoa học cho lý luận về phát triển người, và lý luận về phát triển người là lý luận cơ bản góp phần giải quyết các vấn đề chăm sóc, đào tạo, giáo dục, sử dụng, quản lý nguồn lực con người trong những năm đổi mới.”[3, tr.15]. Nhưng thời gian dường như vẫn bị ngưng đọng trên từng trang sách, ngọn gió đổi mới tư duy như chỉ thoáng qua cửa sổ của thánh đường đại học. Không những thành tựu TLH hiện đại trên thế giới còn rất xa lạ mà cả phương pháp đào tạo-nghiên cứu khoa học tiên tiến cũng chỉ gần đây mới được đưa vào giới thiệu, nhưng cũng gặp không ít trở ngại khó khăn từ những giáo viên đã quá quen với cơ chế quản lý quan liêu-bao cấp trong giáo dục-đào tạo.

Thật khó phủ nhận nguy cơ tụt hậu của TLH định hướng hoạt động cũng như không thể làm ngơ, không thấy sự bùng nổ thông tin khoa học tâm lý thế giới đang có ảnh hưởng sâu rộng tới các lĩnh vực từ sản xuất đến tiêu dùng, từ lao động đến nghỉ ngơi của đời sống xã hội hiện đại. Hàng loạt những lĩnh vực TLH ứng dụng đã xuất hiện và nhanh chóng phát huy tác dụng, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ xã hội. Ví dụ TLH lâm sàng không còn bó hẹp trong các phòng khám bệnh tâm thần của các bác sỹ tâm lý nửa đầu thế kỷ XX mà nó đã xâm nhập vào trường học, nhà máy, công ty, đài phát thanh, đài truyền hình, báo chí, v.v. Tư vấn tâm lý đã trở thành một loại dịch vụ xã hội phục vụ nhu cầu đa dạng, phong phú của các nhóm xã hội.

Để phát triển TLHĐHXXH ta cần rút ra những bài học từ một số khoa học xã hội như Kinh tế học, Xã hội học, Phụ nữ học, Dân số học đang rất năng động, kịp thời tự đổi mới nên đã tránh được nguy cơ tụt hậu về trình độ phát triển khoa học kỹ thuật vượt lên bắt nhịp với sự tiến triển của đất nước. Ví dụ, trước năm 1986 bộ máy phạm trù, khái niệm và phương pháp của kinh tế học thị trường còn rất xa lạ và nếu có nhắc tới thì chủ yếu là để phê phán, gạt bỏ thì chỉ một thời gian ngắn sau khi bắt đầu đổi mới nhất là từ khi những cuốn sách về kinh tế học của P.A.Samuelson, D. Berg và một số tác giả phương Tây được dịch và xuất bản ở Việt Nam thì tình hình rõ rệt khác hẳn: cả thầy và trò đều nhanh chóng học tập, nghiên cứu và tiếp thu

chọn lọc những thành tựu mới nhất của kinh tế học thế giới. Đến nay nhiều sách giáo khoa, giáo trình, từ điển, chuyên khảo mới nhất về kinh tế học nước ngoài đã được sử dụng làm tài liệu cơ bản trong các Viện và trường đại học Việt Nam. Xã hội học và Phụ nữ học mới ra đời ở Việt Nam cũng rất nhanh chóng tiếp cận và khai thác kho tàng tri thức khoa học nhân loại. Ví dụ, khoá sinh viên ngành xã hội học đầu tiên (K37) của ĐHQG Hà Nội đã được đọc cuốn “*Nhập môn Xã hội học*” [6] đồ sộ (dịch và xuất bản bằng tiếng Việt từ năm 1993). *Phụ nữ học* vừa mới xuất hiện ở Việt Nam đã nỗ lực học tập và trao đổi khoa học với các cơ quan khoa học nước ngoài [7]. Nhờ những chi tiết cải tiến tưởng chừng rất nhỏ bé này mà vị trí, vai trò của Kinh tế học, Xã hội học, Phụ nữ học mau chóng được khẳng định và có những đóng góp tích cực vào giải quyết các nhiệm vụ xã hội đặt ra. Ví dụ, hiện nay các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội ngày càng chú trọng sử dụng kiến thức và phương pháp tiếp cận của Xã hội học, Phụ nữ học, Dân số học [8]. Không ít các chuyên gia về lĩnh vực này được tuyển dụng và phát huy năng lực nghiên cứu khi tham gia các chương trình hoạt động như vậy.

Rõ ràng là TLH cần chuyển biến mạnh hơn nữa theo xu thế “định hướng xã hội” mới có thể theo kịp sự nghiệp đổi mới, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, mở cửa nhìn ra thế giới đã được Đảng và Nhà nước ta khởi xướng từ năm 1986.

### **Vấn đề nâng cao sự thống nhất đào tạo-nghiên cứu TLHĐHXXH**

Điều kiện kinh tế thị trường hiện nay đặt ra yêu cầu ngày càng cao về phẩm chất và trình độ chuyên môn đối với việc đào tạo các nhà TLH trẻ. Nhà trường không những giảng dạy những gì mà thị trường lao động đòi hỏi mà còn định hướng sự phát triển lớp lớp thế hệ trẻ - những người sẽ làm chủ nền khoa học-công nghệ tương lai. Phương châm này đòi hỏi sự nỗ lực tìm tòi, nghiên cứu từ phía đội ngũ giáo viên và sinh viên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả phục vụ xã hội.

TLHĐHXXH không có nghĩa là phải dựa vào thói quen, kinh nghiệm hàng ngày càng không có nghĩa là phải lấy hết ví dụ này đến ví dụ khác trong cuộc sống thường ngày để minh họa cho khái niệm, tri thức khoa học giảng dạy, học tập trong nhà trường. TLHĐHXXH đòi hỏi hình thành ở sinh viên cái nhìn khoa học, mới đối với những gì có vẻ như đã biết rồi của kinh nghiệm. Cần nâng cao chất lượng dạy học về chất để đại học không phải là “phổ thông cấp IV”. Ví dụ cần đề ra những yêu cầu học tập nghiêm túc, khoa học để sinh viên nỗ lực đọc sách, làm bài tập và tham gia tích cực vào quá trình dạy học. Sinh viên TLH cần được phát triển tư duy lý luận khoa học, hệ thống để giải đáp câu hỏi “như thế nào”, “tại sao” về sự nảy sinh, vận động, biến đổi mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội.

TLHĐHXXH có phạm vi nghiên cứu rộng lớn bao quát các lĩnh vực, ví dụ, từ sự hình thành, phát triển tâm lý trẻ em đến tâm lý người cao tuổi; từ xã hội hóa cá nhân đến tâm lý nhóm, tập thể, cộng đồng, dân tộc; từ TLH về sức khỏe đến dân số-kế hoạch hóa gia đình; từ TLH giáo dục đến TLH quản lý, từ TLH lâm sàng đến TLH pháp luật, v.v. Qua đó có thể thấy việc tăng cường “sự liên minh giữa TLH với

ic khoa học khác trong các công trình nghiên cứu” [3, tr.65] là một đặc điểm của LHDHXXH trong thời gian tới.

Nhiều sinh viên cảm thấy rất khó khăn khi phải làm rõ đối tượng nghiên cứu là TLH nhất là TLH xã hội, nhất là khi phải chỉ rõ sự khác nhau giữa nó và một số khoa học có liên quan ví dụ xã hội học, nhân học xã hội hay dân tộc học. Đó là do sự ổn định đến mức trì trệ trong cách định nghĩa về TLH trong khi nội dung nghiên cứu của nó không ngừng được mở rộng. Đối tượng nghiên cứu khoa học cũng thay đổi, phát triển cùng với sự tiến hoá xã hội. Ví dụ, lúc mới ra đời xã hội học được định nghĩa là khoa học về quy luật tổ chức, biến đổi xã hội thì nay đối tượng của nó là quy luật, đặc điểm, tính chất, cơ chế của sự hình thành, vận động và phát triển mối quan hệ giữa con người và xã hội [9]. Điều này ngụ ý rằng TLHDHXXH có nhiệm vụ nâng cao năng lực liên ngành và chuyên sâu về cả lý luận, phương pháp và nội dung đào tạo-nghiên cứu.

Điều nói trên đòi hỏi sinh viên không chỉ nghe, đọc để biết và nhớ kiến thức về các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý theo cách phân loại truyền thống trong TLH hoạt động. Sinh viên cần được trải nghiệm từ góc độ của “người trong cuộc” khi đóng vai trò là chủ thể quá trình tìm tòi, phát hiện và áp dụng kiến thức khoa học. Sinh viên cần được hình thành “*tinh thần thực nghiệm*” vốn là linh hồn của khoa học tâm lý thông qua việc xây dựng giả thuyết khoa học và tổ chức thu thập thông tin để kiểm chứng giả thuyết.

Việc đào tạo các nhà TLH đang được vận hành một cách chậm chạp theo xu hướng đổi mới hệ thống giáo dục đại học nói chung. Cách kết cấu nội dung chương trình về cơ bản vẫn theo kiểu cổ điển là tách biệt TLH đại cương và TLH chuyên ngành như đã từng tồn tại nửa thế kỷ trước đây. Tính kinh viện, “*hàn lâm*”, “*đu đạp*” bộc lộ rõ qua việc giới thiệu các khái niệm về quá trình, trạng thái, thuộc tính tâm lý. Các môn chuyên ngành tâm lý xã hội, TLH quản lý, TLH lao động, TLH gia đình v.v. tỏ ra lúng túng, khó khăn khi vận dụng những khái niệm “đại cương” vào những vấn đề thời sự của công cuộc đổi mới kinh tế Việt Nam vào nội dung giảng dạy.

TLHDHXXH đòi hỏi phải có chiến lược xây dựng phát triển nội dung kiến thức hiện đại. Ví dụ, định hướng nội dung môn học đại cương để sinh viên có thể làm quen và dần dần hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết để xem xét và phân giải quyết những vấn đề, những khía cạnh của đời sống tâm lý người Việt Nam trên đà đổi mới kinh tế-xã hội.

Về phương pháp, các nhà TLH trẻ cần được trang bị kiến thức về nguyên lý, quy trình, thủ tục, công nghệ, kỹ năng và công cụ tư duy khoa học chứ không đơn thuần là học thuộc lòng và ghi nhớ một cách máy móc những luận điểm trừu tượng theo kiểu “*tâm lý học triết học*”. Các phạm trù và khái niệm TLH cần được định nghĩa, phân tích, tức là “*đập vỡ*” theo cách nói của nhà công nghệ giáo dục để qua đó sinh viên có thể nắm vững và vận dụng ngay trong quá trình học tập, nghiên cứu nhằm giải quyết những nhiệm vụ học tập cụ thể.

Cần thấy rằng phương pháp “rải phiếu” đang được thầy trò phổ biến áp dụng hiện nay để thu thập thông tin là loại việc làm thủ công vốn không phải là cách lan rộng của nhà tâm lý học. Nhiều sinh viên đã rải được hàng trăm phiếu điều tra để lấy số liệu viết luận văn. Nhưng ít sinh viên hiểu rõ cách áp dụng lý thuyết, khả năng TLH hoạt động vào quá trình nghiên cứu. Đặc biệt, không phải sinh viên nào cũng trả lời được câu hỏi: các số liệu thu được từ cuộc điều tra, phỏng vấn có ý nghĩa gì về mặt lý luận tâm lý học. Trong các công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên đại học và sau đại học không hiếm trường hợp các khái niệm TLH được định nghĩa một cách tùy tiện hoặc đơn giản hóa bằng cách tra Từ điển tiếng Việt.

Tư duy lý luận, tư duy bằng khái niệm khoa học cần được coi trọng và phát huy trong suốt quá trình đào tạo. Điều này không mẫu thuẫn mà hoàn toàn thống nhất với yêu cầu về tính thực tiễn của kiến thức khoa học. Không chỉ các số liệu bằng chứng mà toàn bộ quá trình học tập-nghiên cứu cần được lý thuyết định hướng và soi rọi.

Sinh viên được học lý luận TLH nhưng không ít người trong số họ chưa hiểu mỗi lý thuyết đóng vai trò gì trong hệ thống tri thức TLH. Một số sinh viên mới tốt nghiệp chưa có kiến thức đầy đủ về lý thuyết chuyên ngành nhưng đã sẵn sàng phê phán nó một cách vô đoán, hoặc hiểu nó một cách giáo điều. Điều này gợi ra vấn đề học tập có phê phán và có chọn lọc đối với những lý thuyết và phát hiện khoa học. Cần phải trau dồi nhiều hơn nữa ở sinh viên cái nhìn cởi mở và tính tò mò ham hiểu biết khoa học. Cần bồi dưỡng cái “*thần định hướng vào xã hội*” biểu hiện qua thái độ nghiêm túc khoa học và trách nhiệm xã hội trong việc tiếp thu và vận dụng tri thức lý luận và phương pháp nghiên cứu vào việc xem xét và giải quyết vấn đề nảy sinh trong sự vận động, phát triển mối quan hệ hài hòa giữa người với người trong xã hội.

Đặc biệt là sinh viên cần được trang bị tri thức lý luận và kỹ năng thu thập thông tin một cách khoa học. Họ cần hiểu và nắm vững mối quan hệ biện chứng giữa lý thuyết và quan sát trong khoa học. Đối với nghiên cứu nhất là nghiên cứu thực nghiệm, lý thuyết được vận dụng để: 1) lý giải những gì quan sát và thu thập được bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học; 2) xây dựng những giả thuyết mà có thể kiểm chứng qua các bằng chứng thực nghiệm và 3) phân biệt và khu biệt họ phạm vi nghiên cứu, phát triển tri thức. Đồng thời, nghiên cứu thực nghiệm được thực hiện không những chỉ để: 1) kiểm chứng giả thuyết mà còn thực hiện chức năng cơ bản, quan trọng là: 2) phát triển lý thuyết thông qua việc gợi mở ý tưởng khoa học, phát hiện và giải quyết vấn đề.

Trong trường đại học ngày nay vai trò đào tạo cán bộ khoa học của “*nhà giáo nhà khoa học*” cần được củng cố và phát triển, nhất là khi một số người lầm tưởng cần phải áp dụng cơ chế thị trường vào việc giáo dục nhân cách. Theo triết lý “*khác hàng là thượng đế*” ta có thể hình dung chuyện gì sẽ xảy ra khi người học chỉ biết mang tiền đến lớp để mua từ thầy các điểm số, các chứng chỉ, tín chỉ và bằng cấp. Cần thấy rằng “*sản phẩm hàng hóa đặc biệt*” của quá trình đào tạo không thể là món hàng có thể bày bán, trao đổi bởi vì năng lực và phẩm chất nhân cách chỉ có thể

giáo dục bằng nhân cách người thầy. Lý luận và thực tiễn sư phạm chỉ ra rằng nhân cách của sinh viên chỉ có thể được hình thành và phát triển trong bầu không khí âm lý xã hội cởi mở, tích cực với sự nỗ lực tìm tòi sáng tạo của bản thân sinh viên<sup>(1)</sup> cùng với sự hỗ trợ, tư vấn khoa học của những người thầy có nhân cách theo nguyên tắc “nhà giáo phải được giáo dục” một cách khoa học, thường xuyên, liên tục, suốt đời.

Không phải cử nhân nào cũng theo đuổi sự nghiệp khoa học, do đó việc định hướng phát triển kỹ năng thực hành, thực tế theo chuyên môn nghề nghiệp là rất quan trọng và cần thiết. Quá trình đào tạo dựa vào nghiên cứu, hướng vào hình thành kỹ năng chuyên môn, bồi dưỡng tinh thần sáng tạo, xây dựng môi trường giàu lòng nhân ái và coi trọng lao động trí tuệ mới có thể giúp cử nhân TLH tìm được niềm đam mê của một nhà chuyên môn (lý luận/thực hành) tâm lý. Cái nhìn hẹp hòi, thiên kiến, đố kỵ, “ghen ăn, ghét ở” đối với đồng nghiệp, bè bạn, cấp dưới hay những người xung quanh và tâm thế thờ ơ với những gì đang xảy ra trong tập thể và xã hội là hoàn toàn không phù hợp với quá trình nghiên cứu-đào tạo khoa học xã hội và nhân văn nói chung và TLHĐHXXH nói riêng.

Các khoa học này chỉ hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ của nó khi tự đổi mới tư duy và cải tiến phương pháp đào tạo-nghiên cứu. Việc tách biệt tên gọi “sinh viên” và “nghiên cứu sinh” cho thấy có sự phân cách giữa đào tạo và nghiên cứu. Lần thấy rằng cả hai bậc đào tạo này đều đòi hỏi thầy và trò phải nghiên cứu tức là học tập-tìm tòi-sáng tạo để nắm bắt, tích lũy, vận dụng và phát triển tri thức và phương pháp khoa học hướng vào giải quyết vấn đề của cuộc sống xã hội. Trong điều kiện kinh tế thị trường và sự bùng nổ thông tin mô hình “tam giác” đào tạo các nhà khoa học xã hội trẻ có xu hướng trở thành tam giác cân ở đỉnh là “nghiên cứu” và hai đỉnh kia là “dạy” và “học”, nghĩa là cả thầy và trò đều phải nghiên cứu và tự đào tạo chứ không phải một bên chỉ biết nói (dạy) và một bên chỉ biết nghe (học).

Tóm lại, TLHĐHXXH có nhiệm vụ phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trong môi trường kinh tế-xã hội đang không ngừng tiến triển hiện nay mục tiêu đào tạo-nghiên cứu TLH không còn cố định mà di động phản ánh nhu cầu sử dụng và phát triển nguồn nhân lực cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra là cần phải đổi mới tư duy và nâng cao sự thống nhất biện chứng giữa dạy-học-nghiên cứu ở tất cả các cấp độ từ hành vi học tập của cá nhân đến tổ chức quá trình dạy học trong trường lớp đến việc tạo dựng môi trường pháp lý và văn hoá thuận lợi để mọi cá nhân, mọi nhóm xã hội đều có cơ hội học tập và vận dụng những thành tựu khoa học-công nghệ tiên tiến.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Hùng. Tâm lý học định hướng xã hội: sự thống nhất đào tạo và nghiên cứu, *Tạp chí Tâm lý học*, số 5(2000), tr. 12-18.

---

Không ít giáo viên tỏ ý nghi ngờ đối với khả năng tự học của sinh viên vì tự suy rằng “sinh viên biết mà thảo luận và nghiên cứu”.

2. V.I. Lê Nin. *Toàn tập*, tập 29. NXB Tiến bộ - Mát-xcơ-va, 1981, tr. 374-375.
3. Phạm Tất Dong. "Những nhân tố mới trong nghiên cứu tâm lý học." trong cuốn *Khoa học xã hội và nhân văn* do Phạm Tất Dong chủ biên. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tập II, tr. 51.
4. Lê Ngọc Hùng. Tâm lý học xã hội: thách thức và cơ hội phát triển, *Tạp chí Tâm lý học*, số 3(1998), tr. 48-53.
5. Vũ Dũng. *Tâm lý học xã hội*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
6. Tony Bilton và các đồng sự. *Nhập môn Xã hội học*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993
7. Nguyễn Linh Khiếu (chủ biên). *Nghiên cứu & Đào tạo giới ở Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.
8. John Knodel và các đồng sự. *Tuyển tập các công trình chọn lọc trong dân số học xã hội*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1994.
9. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên). *Xã hội học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XVII, N<sup>o</sup>3, 2001

## SOME THEORETICAL AND PRACTICAL ISSUES OF DEVELOPMENT OF SOCIETY-ORIENTED PSYCHOLOGY

**Lê Ngọc Hùng**

*Center of Sociology*

*Ho Chi Minh National Academy of Politics*

Vietnam' Psychology in Century XX consisted of: 1) theoretical and technological psychology learnt from cradle of Psychology in the former Soviet Union and Eastern countries, 2) results obtained from applied domestic research.

This psychological heritage is of great value for young scientists when they face new problems arising in transition period toward the socialism-oriented market economy in the country.

The theoretical and practical issues are how to mobilize the twenty- century- psychology heritage so that it would not become obstacle to slow the process of industrialization and modernization in the country in century XXI and how to update and improve the psychological approaches to avoid the growing gap with other countries. From point of society-oriented psychology view this article deals with these issues in the conditions of sciences becoming direct productive forces in the country.